TAND HUYỆN YT **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số 34/2018/HSST Ngày 14/11/2018	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT, TỈNH BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến

Bà Vũ Thị Thu Ngát

Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Hồng Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT, tỉnh Bắc Giang: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YT mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2018/HSST ngày 23/10/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/HSST-QĐ ngày 31/10/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn H, sinh năm 1985. Tên gọi khán: Không;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn CL, xã MT, huyện LG, tỉnh Bắc Giang;

Nghề nghiệp: Tự do; Văn hoá: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1958 và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961;

Vợ Đỗ Thị T, sinh năm 1987, có 03 con lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2016, gia đình có 04 anh em ruột bị cáo là con thứ ba.

Tiền án, tiền sự: Không;

*** Người bị hại:**

Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn D, xã YT, HL, tỉnh Lạng Sơn (Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**

1. Anh Dương Văn C, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn LT 1, LC, TY, Bắc Giang (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983.

Địa chỉ: BT, xã ĐS, YT, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

3. Anh Dương Văn B, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn LT 1, LC, TY, Bắc Giang (vắng mặt)

*** Người làm chứng**

1. Anh Dương Văn Th, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn LT 1, xã LC, huyện TY, tỉnh Bắc Giang

2. Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1991

Địa chỉ: thôn D, xã YT, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn.

3. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn D, xã YT, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn

4. Anh Dương Văn G, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn TV, xã TY, huyện BS, tỉnh Lạng Sơn.

5. Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: thôn D, xã YT, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/3/2018, anh Nguyễn Văn Th đi 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12H1-147.70 nhãn hiệu Honda, loại Wave α màu sơn xanh, đen, bạc đến thôn HR, xã ĐS, huyện YT, tỉnh Bắc Giang để khai thác gỗ thuê cho anh Nguyễn Văn Đ, cùng làm có anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1980, anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1990 cùng ở thôn D, xã YT, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn, anh Dương Văn G, sinh năm 1975 ở thôn V, xã TY, huyện BS, tỉnh Lạng Sơn và Nguyễn Văn H, sinh năm 1985 ở thôn CL, xã MT, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Sáng ngày 31/3/2018, anh Th cùng anh L1, anh G, anh H1 (sinh năm 1990) đi khai thác gỗ ở trên đồi còn H (sinh năm 1985) ở lán nấu cơm cho mọi người đi làm về ăn. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, H (sinh năm 1985) hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 12H1-147.70 của anh Th để đi lại mua dầu máy và đi chợ thì anh Th đồng ý và đưa chìa khóa xe mô tô cho H. Sau khi mọi người đi làm, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12H1-147.70 đi đến nhà anh Đ thì anh Đ bảo H đi đến xưởng gỗ bóc gần đó lấy 1.000.000đồng của người mà anh Đ đã liên hệ trước để mua dầu máy và thức ăn phục vụ cho mọi người khai thác gỗ. Sau khi lấy được số tiền 1.000.000đồng thì H nhờ người mua dầu máy hết 400.000đồng để cho mọi người khai thác gỗ, còn H điều khiển xe mô tô của Th đi đến khu vực xã PH, huyện TY, tỉnh Bắc Giang chơi. Tại đây, H đã chi tiêu hết số tiền 600.000đồng của anh Đ đã đưa lúc trước. Lúc này, H nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô mượn của anh Th để lấy tiền chi tiêu cá nhân. H điều khiển xe

mô tô đi đến nhà anh Dương Văn Th1, sinh năm 1964 ở thôn LT 1, xã LC, huyện TY, tỉnh Bắc Giang với mục đích vay tiền và cầm cố xe mô tô mượn của anh Th. Tại nhà anh Th1, H đã cầm cố xe mô tô cho anh Dương Văn B, sinh năm 1980 ở thôn LT 1, xã LC, huyện TY, tỉnh Bắc Giang với giá 2.000.000đồng nhưng anh B giữ lại 100.000đồng tiền lãi và đưa cho H 1.900.000đồng. Sau đó, H bỏ đi chơi, không về lán của anh Đ và chi tiêu cá nhân hết số tiền trên. Khoảng 4 đến 5 ngày sau, H liên hệ với anh B và bảo anh B cầm cố xe mô tô thêm 1.000.000đồng nữa thì anh B đồng ý và hẹn H đến nhà anh Dương Văn C, sinh năm 1987 ở thôn LT 1, xã LC, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Khi đến nhà anh C thì H đã thấy xe mô tô biển kiểm soát 12H1-147.70 đang để ở nhà anh C và H cầm cố xe mô tô đó cho anh C được 3.000.000đồng. H trả cho anh B 2.000.000đồng rồi bỏ trốn đi tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Bắc Ninh chơi và chi tiêu hết số tiền cầm cố xe mô tô có được.

Đối với anh Th, do không thấy H về trả xe mô tô nên anh Th đã liên lạc, gọi điện, nhắn tin để đòi xe mô tô thì H nói với anh Th là H gửi xe mô tô của anh Th ở nhà anh C và bảo anh Th tự đi đến lấy xe mô tô. Anh Th đã trình báo sự việc đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện YT. Ngày 17/4/2018, anh Th đã giao nộp cho cơ quan điều tra 01 giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1985 ở xã MT, huyện LG, tỉnh Bắc Giang và 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 12H1-147.70 mang tên Hoàng Thị P, sinh năm 1991(là vợ anh Th).

Ngày 27/4/2018, anh C đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện YT chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12H1-147.70.

Tại Kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐGTS ngày 08/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện YT kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α, màu sơn xanh, đen, bạc biển kiểm soát 12H1-147.70, đăng ký lần đầu ngày 26/11/2014, số khung: 1216DY425302, số máy: HC12E5425499 có giá trị là 10.000.000 đồng.

Ngày 15/8/2018, Nguyễn Văn H bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện YT giữ khẩn cấp, H đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Th. Sau khi ăn tiêu hết số tiền cắm xe mô tô của anh Th, H bỏ đi chơi một số tỉnh và không có ý định chuộc lại xe mô tô để trả cho anh Th.

Quá trình điều tra, anh B không thừa nhận việc cầm cố chiếc xe mô tô của H và không giới thiệu H đến nhà anh C để cầm cố xe cho anh C. Anh C trình bày cuối tháng 3/2018 có đến nhà anh Th1 chơi thì gặp H và nhận cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 12H1 - 147.70 của H với giá 2.000.000đồng. Sau vài ngày thì H đến nhà anh C và bảo cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12H1 - 147.70 với

giá 3.000.000đồng thì anh C đồng ý và đưa thêm cho H số tiền là 1.000.000đồng. Sau đó, H bỏ đi và không liên lạc gì với anh C nữa. Khi nhận cầm cố xe mô tô của H thì anh C không biết đó là tài sản do H phạm tội mà có. Do có mâu thuẫn trong lời khai, cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa H với anh B, anh C nhưng tất cả vẫn giữ nguyên lời khai. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý anh B, anh C về tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Anh C có hành vi nhận cầm cố tài sản nhưng không có đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ nên cơ quan điều tra đã chuyển phần tài liệu liên quan đến hành vi hành chính của anh C đến Công an huyện TY, tỉnh Bắc Giang để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 600.000đồng do anh Đ ứng cho H để chi tiêu phục vụ việc khai thác gỗ, H khai đã chi tiêu hết, H không có ý thức chiếm đoạt số tiền này vì trước đó H làm thuê cho anh Đ vài ngày nhưng chưa được anh Đ thanh toán tiền công. Tiến hành làm việc với anh Đ ngày 15/5/2018, anh Đ trình bày H có nhắn tin cho anh Đ hứa sẽ trả tiền cho anh Đ sau thì anh Đ đồng ý. Quá trình điều tra, anh Đ đã bỏ đi khỏi địa phương nên chưa làm việc lại được với anh Đ. Xét thấy đây là quan hệ giao dịch dân sự nên không giải quyết.

Ngày 05/7/2018, cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12H1 - 147.70 kèm theo 01 đăng ký xe mô tô mang tên Hoàng Thị P cho chị Hoàng Thị P.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Th, chị P đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu H phải bồi thường gì thêm. Anh C yêu cầu H phải trả lại số tiền 3.000.000đồng.

Cáo trạng số 31/CT-VKS-YT ngày 22/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện YT truy tố bị cáo Nguyễn Văn H tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, sau phần xét hỏi tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT thực hành quyền công tố đã luận tội đối với bị cáo, phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn H từ 12 tháng tù đến 16 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ 15/8/2018.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo H.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 465; 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả cho anh Dương Văn C số tiền 3.000.000đ

- Đối với số tiền 600.000đ do anh Đ ứng cho H đề nghị HĐXX tách ra xem xét bằng vụ án khác nếu sau này anh Đ có yêu cầu.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện YT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện YT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn H có mặt đã hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Chiều ngày 31/3/2018, tại thôn HR, xã ĐS, huyện YT, tỉnh Bắc Giang; Sau khi Nguyễn Văn H mượn được chiếc xe mô tô Honda Wave α biển kiểm soát 12H1-147.70 trị giá 10.000.000 đồng. của anh Nguyễn Văn Th; Nguyễn Văn H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Th và mang xe mô tô đi cầm cố được số tiền 3.000.000đ chi tiêu cá nhân rồi bỏ trốn.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm và gây ảnh hưởng xấu đối với xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng coi thường pháp luật, thích hưởng thụ thành quả lao động của người khác. Lợi dụng mối quan hệ quen biết, mượn xe để sử dụng nhưng sau đó lại nảy sinh ý định chiếm đoạt, mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, thỏa mãn dấu hiệu và đủ yếu tố cấu thành tội

“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, nội dung Cáo trạng số 31/ CT-VKS-YT, ngày 22/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện YT truy tố bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Từ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo nêu trên. HĐXX xét thấy cần lên một hình phạt tương xứng, buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội và đồng thời mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Do bị cáo đang bị tạm giam nên HĐXX quyết định tạm giam bị cáo theo quy định tại Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo H có hoàn cảnh khó khăn, là lao động tự do, nghề nghiệp không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với hành vi cầm cố xe của anh Dương Văn B và anh Dương Văn C, do anh B và anh C không biết là xe do H phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý anh B và anh C về tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay anh anh Nguyễn Văn Th và chị Hoàng Thị P vắng mặt nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra khai, tài sản anh, chị đã nhận lại đầy đủ và không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường gì thêm, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về phía anh Dương Văn C tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, nhưng cũng đã có lời khai tại cơ quan điều tra khai, số tiền H đặt xe để vay anh số tiền 3.000.000đ, đến nay H chưa trả anh. Nay anh yêu cầu bị cáo H phải trả anh số tiền trên.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo H nhất trí với yêu cầu của anh C và bị cáo hứa sẽ có trách nhiệm trả anh C số tiền anh đã vay. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của anh C là buộc bị cáo phải trả anh C số tiền nêu trên.

- Đối với số tiền 600.000đ do anh Đ ứng cho H để chi tiêu phục vụ việc khai thác gỗ, H đã nhắn tin cho anh Đ hứa sẽ trả sau, anh Đ đồng ý. Quá trình điều tra anh Đ đã bỏ đi khỏi địa phương, nên cơ quan điều tra chưa làm rõ được yêu cầu này của anh Đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị cáo H thừa nhận là có cầm số tiền 1.000.000đ của anh Đ, bị cáo đã chi phí mua dầu hết 400.000đ còn lại số tiền 600.000đ bị cáo đã chi tiêu hết, số tiền này bị cáo và anh Đ sẽ giải quyết sau vì anh Đ vẫn còn chưa thanh toán cho bị cáo những ngày công mà bị cáo đã làm cho anh Đ. Do vậy HĐXX không xem xét trong vụ án này, nếu sau này anh Đ có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn H không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo H.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s, khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt: Nguyễn Văn H 12 (mười hai) tháng tù về tội “"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 15/8/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 465; 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả cho anh Dương Văn C số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Về lãi suất chậm trả tại giai đoạn thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3] Vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H 01 chứng minh thư nhân dân.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án, hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện YT;
- Công an huyện YT;
- THA huyện YT;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam;
- UBND nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Ngọc Chung